

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP

Ngày 30/09/2025	13,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	5.5%	12.5%	-

DT thuần Q3/25	247	tỷ VNĐ
QoQ:	▼95.0	-27.8%
YoY:	▼68.0	-21.6%

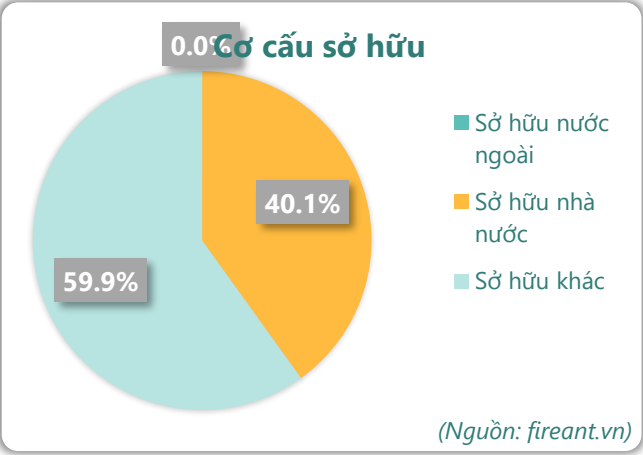
LN thuần Q3/25	37.8	tỷ VNĐ
QoQ:	▼20.2	-34.7%
YoY:	▲ 4.80	14.7%

LN sau thuế Q3/25	34.9	tỷ VNĐ
QoQ:	▼24.0	-40.8%
YoY:	▲ 10.7	44.1%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25	18.4%
YoY:	+/-▼ 2.7%

ROE (TTM) Q3/25	7.1%
YoY:	+/-▲ 0.8%

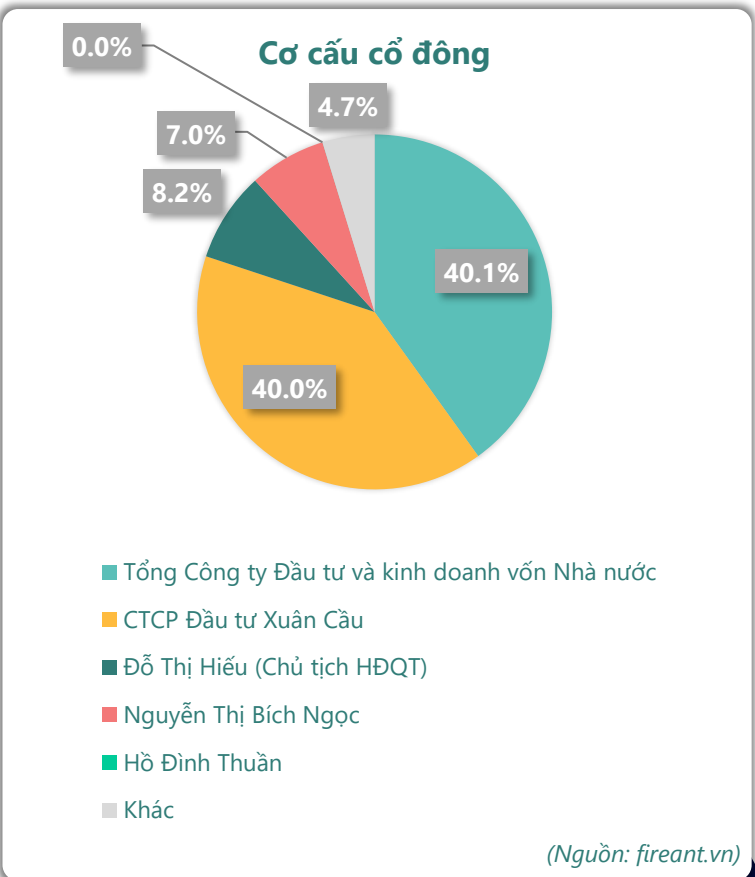
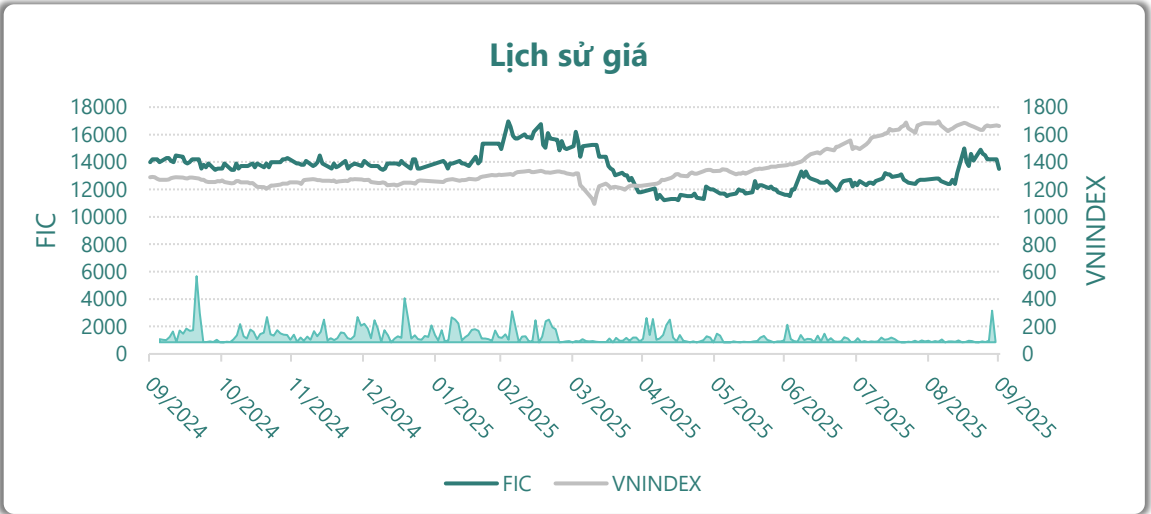
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	11,212 - 16,962
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,715
Số lượng CPLH (CP)	127,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15,210
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.33
EPS	899
P/E	15.0



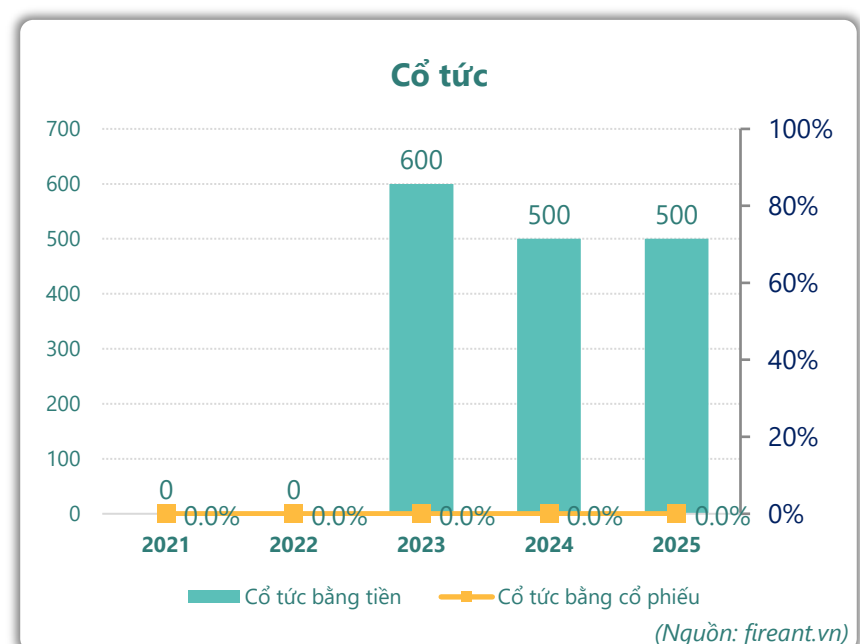
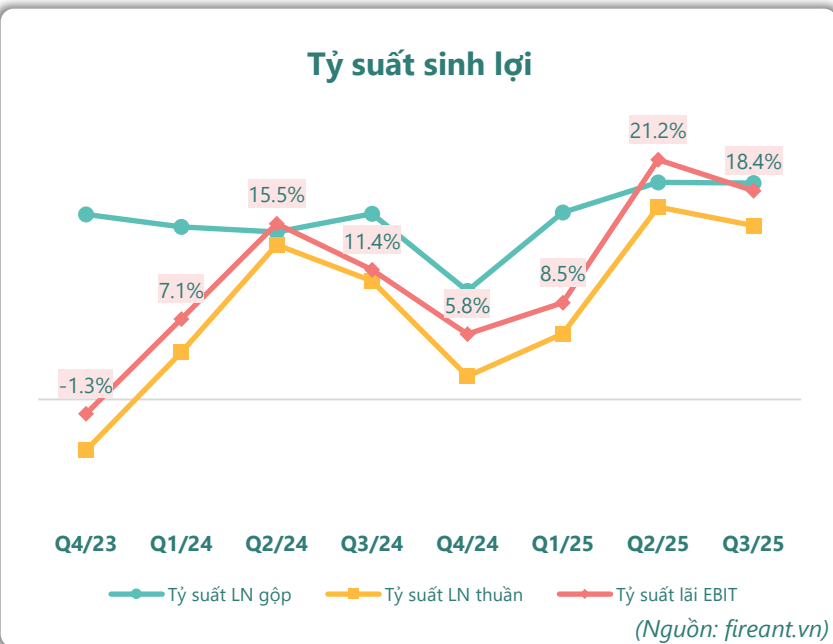
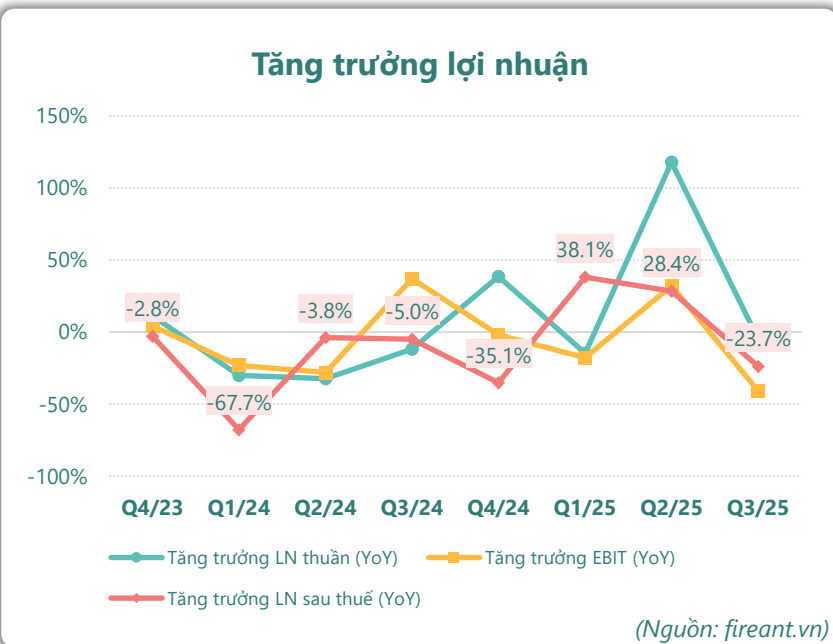
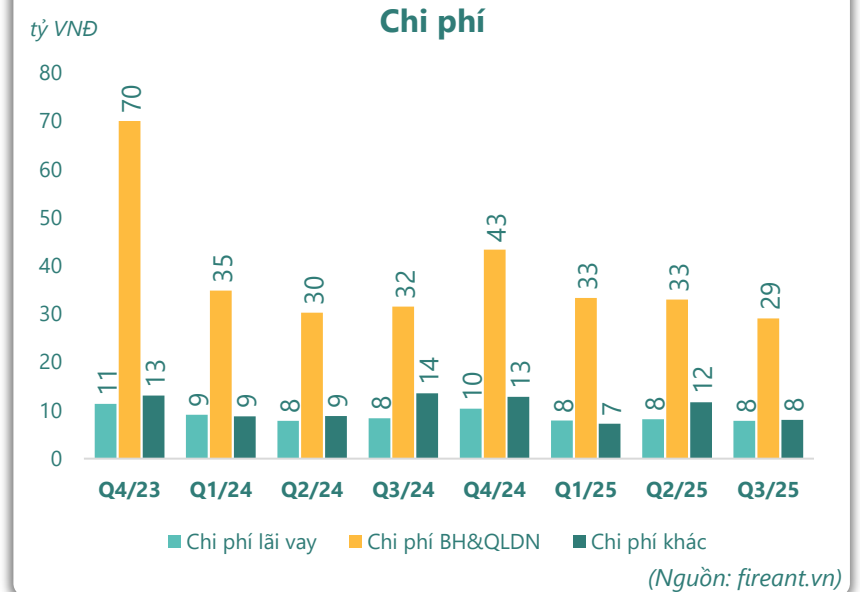
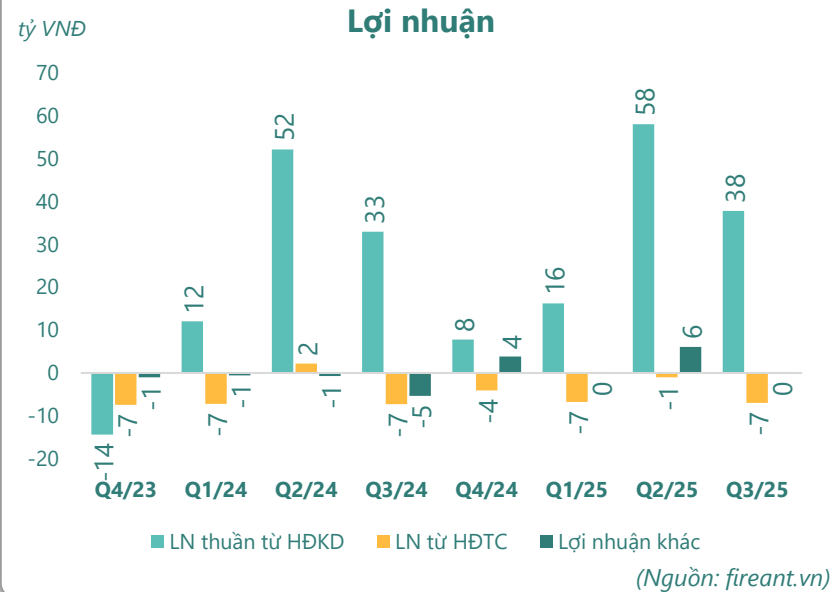
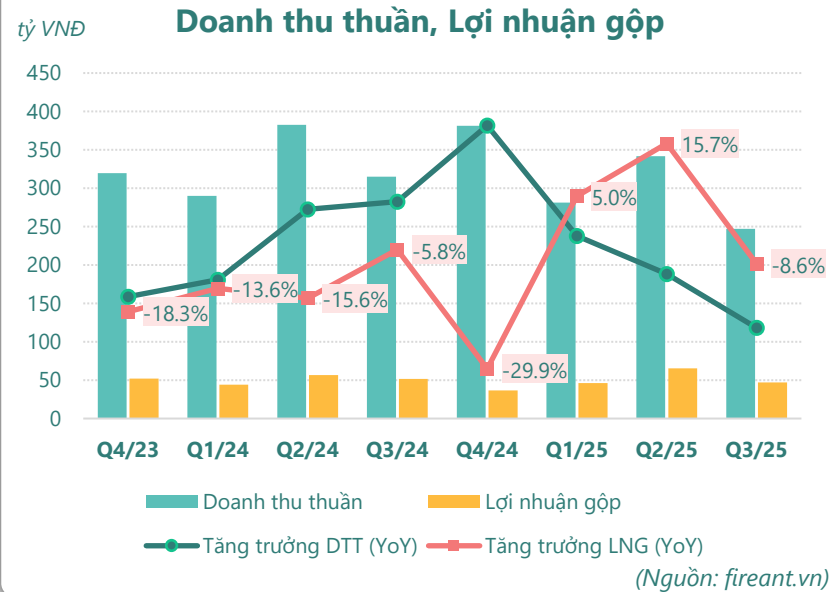
DT thuần 9T 2025	870	tỷ VNĐ
YoY:	▼118	-11.9%

LN thuần 9T 2025	112	tỷ VNĐ
YoY:	▲ 14.8	15.4%

LN sau thuế 9T 2025	106	tỷ VNĐ
YoY:	▲ 26.4	33.1%



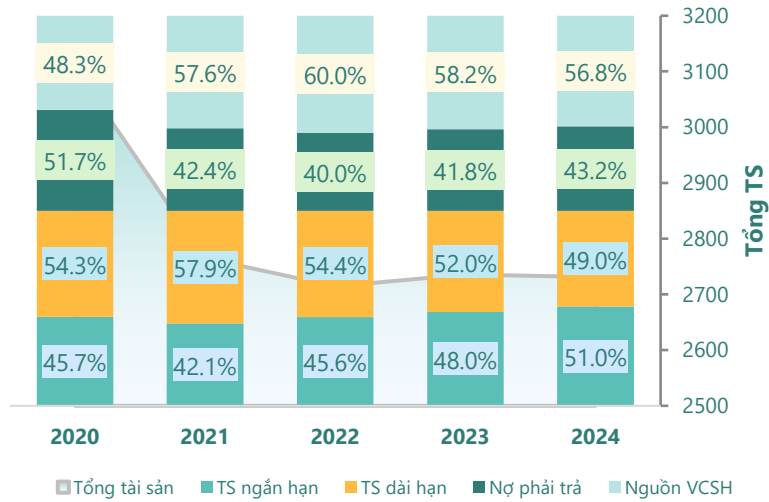
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

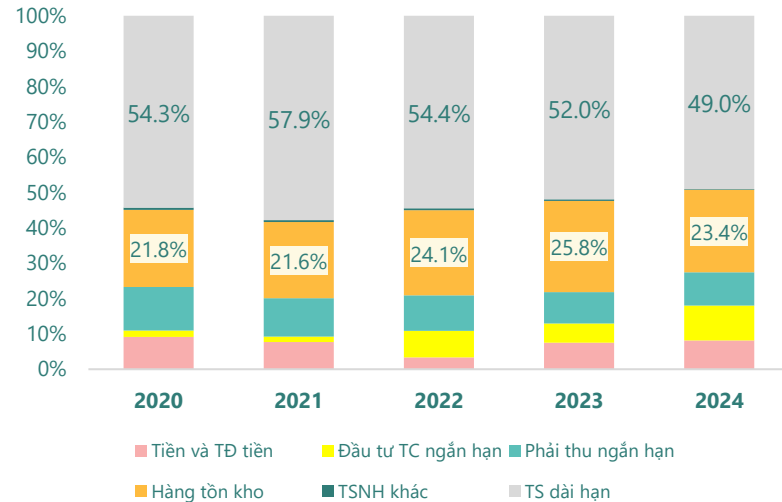
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

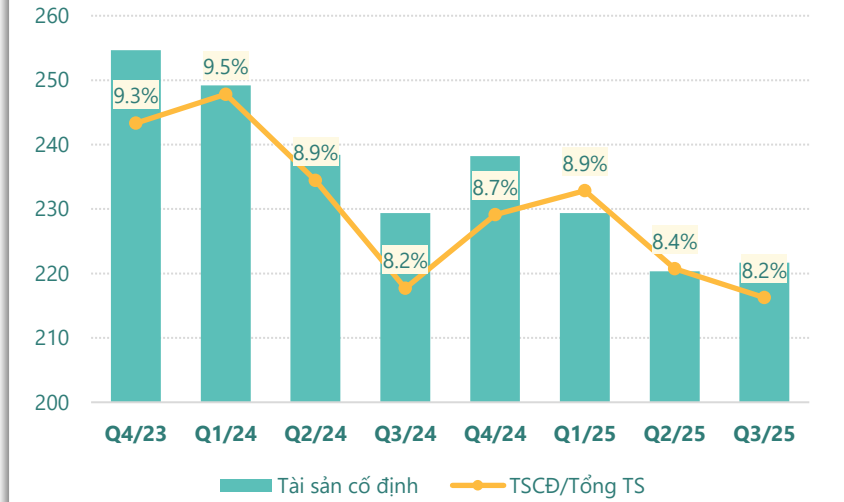
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

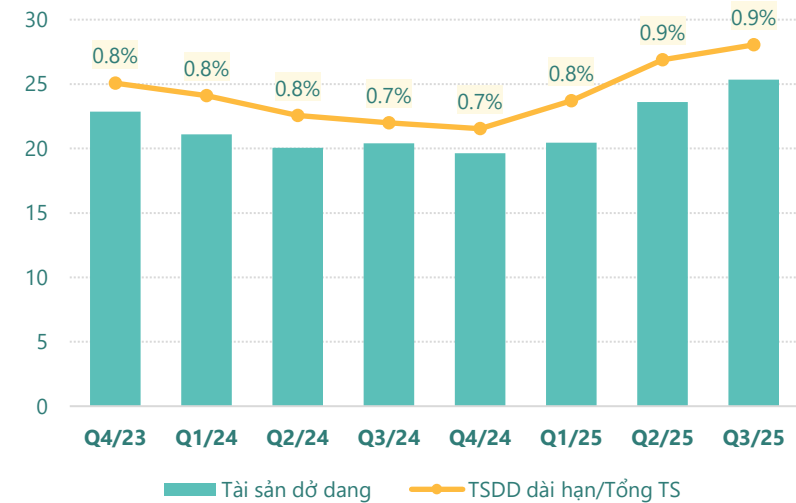
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

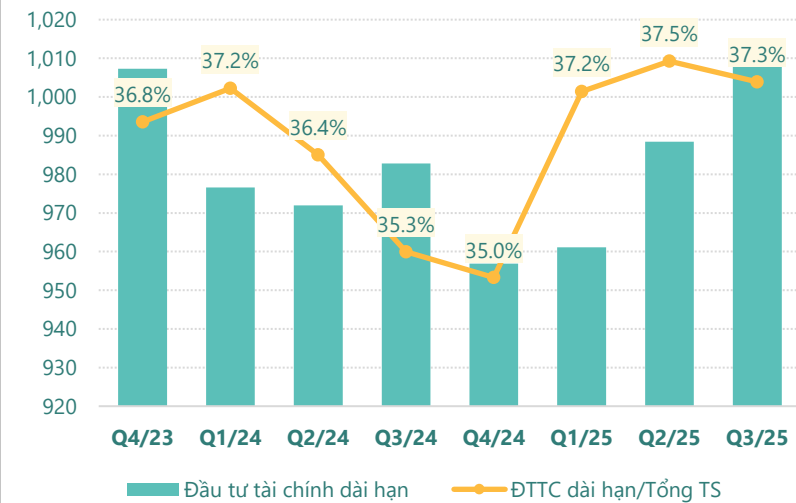
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

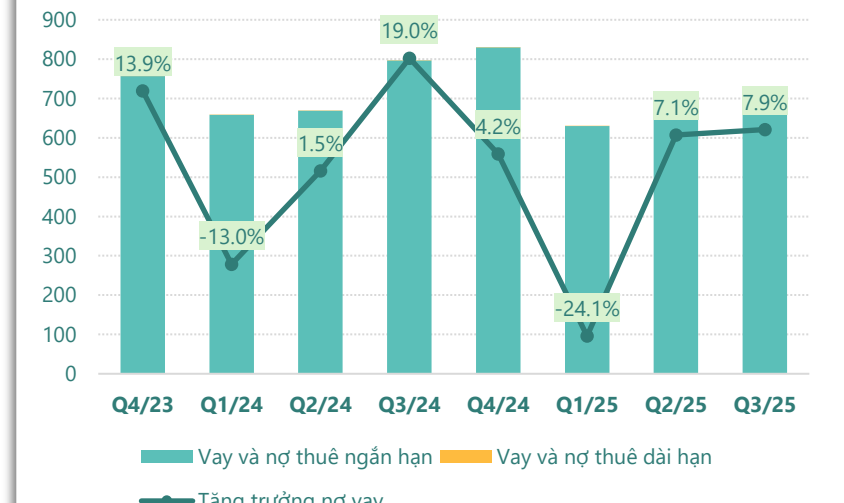
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

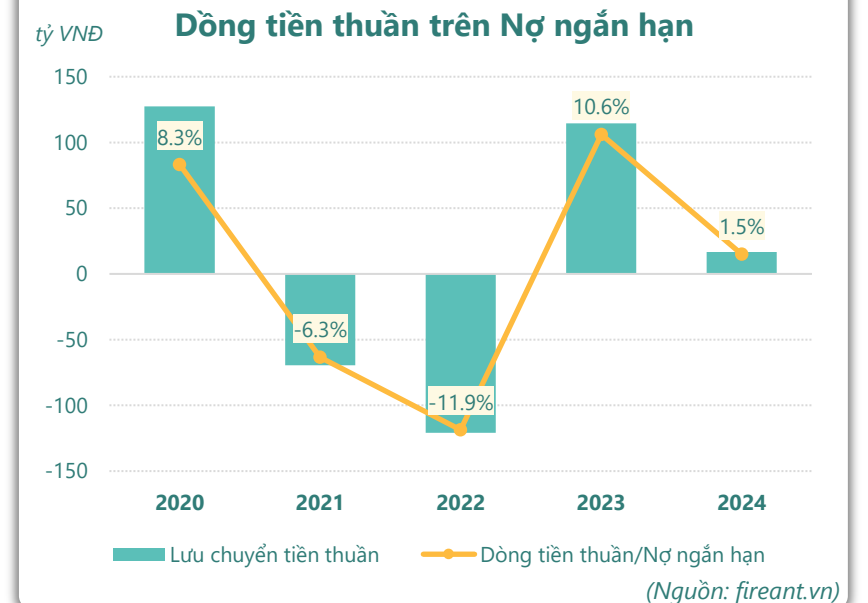
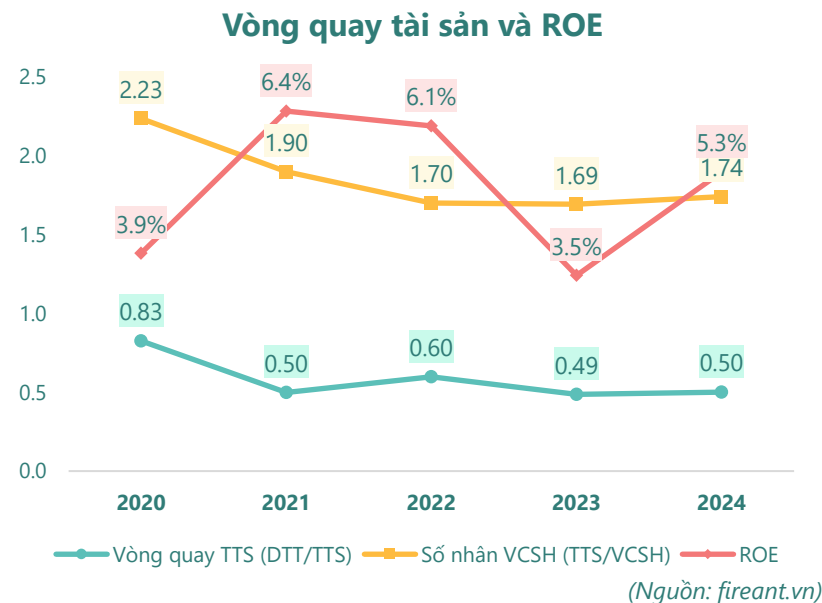
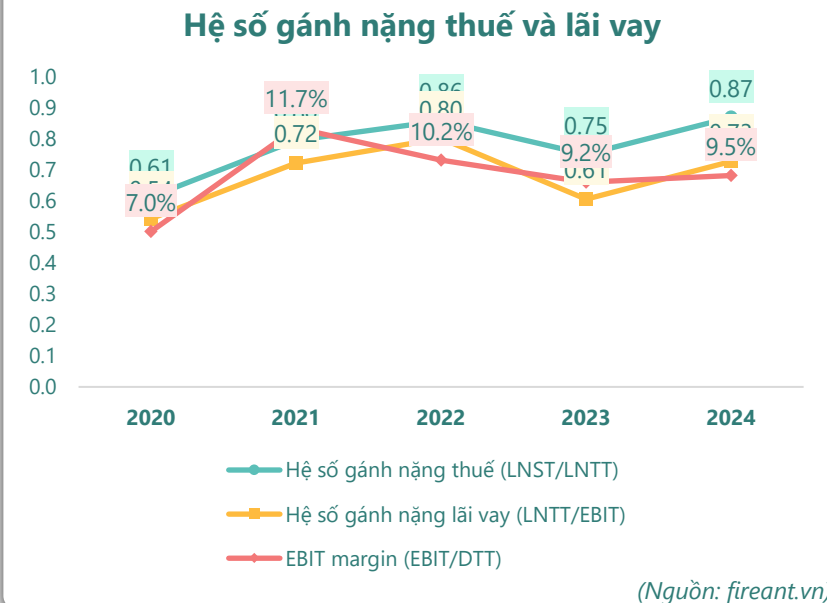
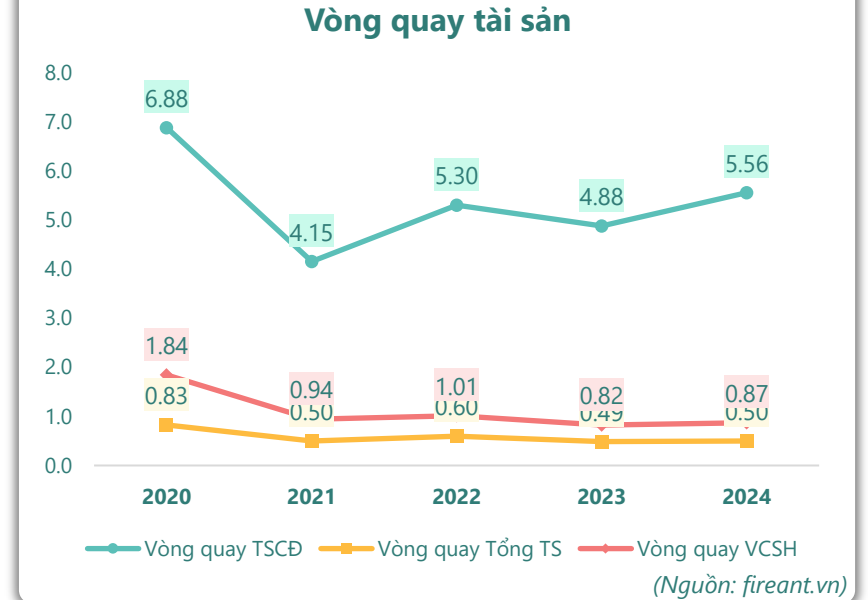
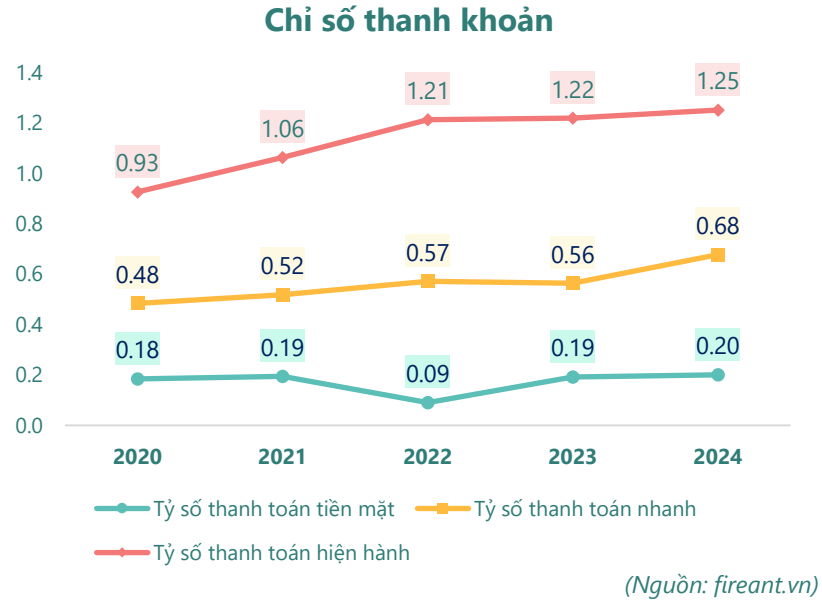
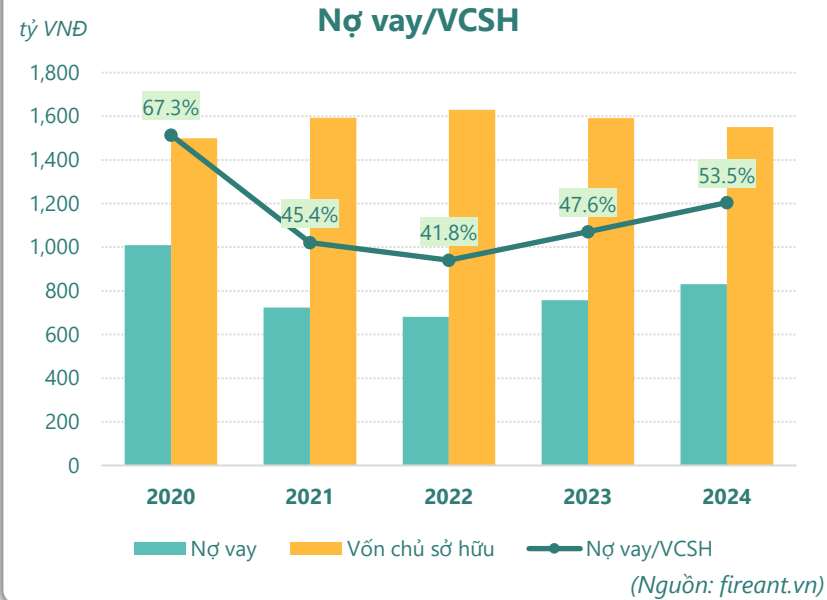
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	247	315	-21.6%	870	988	-11.9%
Giá vốn hàng bán	200	264	-24.3%	711	835	-14.9%
Lợi nhuận gộp	47.1	51.6	-8.7%	159	152	4.4%
Doanh thu HĐTC	1.33	1.14	16.4%	9.81	13.5	-27.5%
Chi phí TC	8.34	8.46	-1.4%	24.6	25.8	-4.6%
Chi phí lãi vay	7.83	8.40	-6.8%	23.9	25.4	-5.7%
LN trong công ty LKLD	26.8	20.2	32.8%	63.4	53.8	17.8%
Chi phí bán hàng	5.14	5.90	-13.0%	16.5	17.0	-3.3%
Chi phí QLDN	24.0	25.7	-6.8%	78.9	79.7	-0.9%
LN thuần từ HĐKD	37.8	33.0	14.7%	112	97.2	15.4%
Lợi nhuận khác	-0.18	-5.32	96.7%	5.72	-6.55	187%
LN trước thuế	37.7	27.6	36.5%	118	90.6	30.1%
Lợi nhuận sau thuế	34.9	24.2	44.1%	106	79.6	33.1%
LNST của CĐ cty mẹ	36.6	21.1	73.3%	98.9	72.8	35.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	14.4	-20.6	103	87.7	80.3	70.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	29.2	-113	-28.4	2.95	-4.12	-144
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-55.8	123	33.3	-200	-19.8	48.7
Tiền đầu kỳ	139	127	116	223	113	170
Lưu chuyển tiền thuần	-12.2	-11.2	108	-110	56.4	-24.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	-0.05	0.10	0.00	0.01	0.01
Tiền cuối kỳ	127	116	223	113	170	146

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,711	2,731	-0.7%
Tài sản ngắn hạn	1,341	1,392	-3.7%
Tiền và tương đương tiền	146	223	-34.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	413	270	53.2%
Phải thu ngắn hạn	240	255	-5.9%
Hàng tồn kho	527	638	-17.4%
Tài sản ngắn hạn khác	14.6	5.66	158%
Tài sản dài hạn	1,370	1,339	2.4%
Phải thu dài hạn	34.5	33.8	1.9%
Tài sản cố định	222	238	-6.9%
Bất động sản đầu tư	9.50	10.6	-10.6%
Tài sản dở dang	25.3	19.0	33.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,011	956	5.7%
Tài sản dài hạn khác	50.4	57.8	-12.9%
Lợi thế thương mại	18.2	22.9	-20.5%
Nợ phải trả	1,084	1,180	-8.1%
Nợ ngắn hạn	1,006	1,112	-9.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	722	830	-13.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	69.6	67.2	3.4%
Nợ dài hạn	78.0	67.7	15.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	5.68	0.15	3586%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,627	1,551	4.9%
Vốn chủ sở hữu	1,627	1,551	4.9%
Vốn điều lệ	1,270	1,270	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

